| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ K**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 81/2019/HS-ST
Ngày: 20 - 11 - 2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K TỈNH KON TUM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trường Du.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Quang Ngọc và ông A Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thư ký TAND Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố K, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố K, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2019/TLST – HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

**Bị cáo thứ nhất: A B**; sinh năm: 1991; Nơi sinh: Thành phố K, tỉnh KonTum; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh KonTum; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông A K; sinh năm: 1962 và Bà Y B; sinh năm: 1964;

Tiền án: Bản án số 29/2011/HSPT ngày 22/7/2011 của TAND tỉnh KonTum xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội " Cướp tài sản". Đến ngày 09/12/2013 chấp hành xong hình phạt trở về sống tại địa phương. Bản án số 39/2015/HSST ngày 15/5/2015 của TAND Thành phố K xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Đến ngày 27/02/2018 chấp hành xong hình phạt trở về sống tại địa phương.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm , giữ, giam từ ngày 05/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**Bị cáo thứ hai: A G**; sinh ngày: 27/10/ 2000; Nơi sinh: Thành phố K, tỉnh KonTum; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh KonTum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông A P; sinh năm: 1969 và Bà Y B; sinh năm: 1970;

Bản án số: 29/2017/HSST ngày 08/5/2017 của TAND Thành phố K xử phạt bị cáo A G 09 tháng Cải tạo không giam giữ

Tiền án: Bản án số: 62/2018/HSST ngày 08/11/2018 của TAND Thành phố K xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội" Trộm cắp tài sản". Ngày 11/3/2019 chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày05/4 /2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại gồm:*

1. Ông M ; sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

2. Ông A D- sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

3. Anh A N - sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

4. Ông A L - sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- Người làm chứng: Anh A N – sinh năm 1991

Trú tại: Thôn K1, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 22/3/2019 A B đi chơi ngang khu ruộng Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum thì thấy 02 con bò đang cột trong chuồng và không có người trông coi A B nảy sinh ý định trộm cắp nên đã lén lút đi vào tháo dây buộc và dắt 02 con bò ra cột tại bãi sát bờ sông ĐăBla, Thành phố K. Đến ngày 26/3/2019 A B gọi điện cho người đàn ông hay mua bò để bán và địa điểm giao bò là ở xã C, Thành phố K. Khi dắt bò qua sông thì A B gặp A G nên rủ A G cùng dắt bò qua sông để bán, A G biết bò do A B trộm cắp nhưng vẫn đồng ý và trực tiếp dắt 01 con bò nâu đen, còn A B dắt 01 con bò màu trắng mốc. Trong khi chờ người mua bò đến thì A B và A G bị Công an xã C, Thành phố K phát hiện nên cả hai bỏ chạy, A G bị bắt ngay, công an xã C đưa A G và hai con bò về trụ sở, sau đó A B bị bắt giữ. Hai con bò mà A B trộm cắp là tài sản của gia đình ông A L ở Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Tại kết luận định giá tài sản số: 27/ĐG-TS, ngày 01/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Thành phố K kết luận:

+01 con bò đực chủng bò lai, màu nâu đen khoảng 06 năm tuổi, nặng khoảng 160kg trị giá 16.000.000đồng( Mười sáu triệu đồng).

+01 con bò đực chủng bò lai, màu trắng mốc, khoảng 05 năm tuổi, nặng khoảng 150kg trị giá 15.000.000đồng (Mười năm triệu đồng).

Tổng cộng trị giá hai con bò là: 31.000.000đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Trong quá trình điều tra vụ án thì A B đã khai ra các lần trộm cắp bò xảy ra tại Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum mà chưa bị phát hiện trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2019 gồm:

**Lần 1:** Vào khoảng 09 giờ ngày 30/7/2018, A B đi hái cà chua trên rẫy của gia đình, khi đi ngay qua khu ruộng Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum, thì phát hiện 02 con bò đang cột ở góc chuồng, nhưng xung quanh không có người trông coi, A B vào chuồng bò và tháo dây dắt 02 con bò ra cột tại bãi cỏ bên sông ĐăBla, phường T, Thành phố K. Khoảng 03 ngày sau A B gặp một người đàn ông đi mua bò trong làng nên A B hỏi có mua bò không, rồi dẫn người này tới vị trí cột 02 con bò trộm cắp được và bán với giá 5.300.000 đồng. Số tiền này A B tiêu xài cá nhân hết. Qua xác M thì 02 con bò này là tài sản của gia đình ông M ở thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Tại kết luận định giá tài sản số: 41/ĐG-TS, ngày 29/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Thành phố K kết luận:

+01 con bò cái chủng bò cỏ, màu nâu khoảng 04 năm tuổi, nặng khoảng 150kg trị giá 15.000.000đồng (Mười năm triệu đồng).

+01 con bò đực chủng bò cỏ, màu vàng nhạt có chấm trắng mốc, khoảng hơn 01 năm tuổi, nặng khoảng 70kg trị giá 7.000.000đồng( Bảy triệu đồng).

Tổng cộng trị giá hai con bò là: 22.000.000đồng( Hai mươi hai triệu đồng).

Hiện tại hai con bò này không thu hồi được.

**Lần 2:** Vào khoảng 10 giờ ngày 27/01/2019 , A B đi bón phân trên rẫy của gia đình, khi đi ngay qua khu ruộng Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum, thì phát hiện 01 con bò đực lai đang cột gần chuồng, nhưng xung quanh không có người trông coi, A B đi vào và tháo dây dắt con bò ra cột ở gốc cây cách đó khoảng 100m. sau đó A B đi về nhà ở thôn K1, phường T, Thành phố K, thì gặp A N, A B nói A N ra lùa bò giúp, A N đồng ý và cùng đi với A B đến vị trí cột con bò A B vừa trộm cắp được và cùng A B lùa con bò ra cột tại bãi cỏ bên sông ĐăBla, phường T, Thành phố K, sau đó A N đi về. Khoảng 02 ngày sau, A B gọi điện thoại cho người mua bò lần trước để bán bò với giá 7.500.000 đồng. Số tiền này A B tiêu xài cá nhân đã hết. Qua xác M thì con bò này là tài sản của gia đình ông A D1 Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. Tại kết luận định giá tài sản số: 42/ĐG-TS, ngày 29/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Thành phố K kết luận:

+01 con bò đực chủng bò lai, màu nâu khoảng 06 năm tuổi, nặng khoảng 200kg trị giá 22.000.000đồng( Hai mươi hai triệu đồng).

Hiện tại con bò này không thu hồi được.

**Lần 3:** Vào khoảng 09 giờ ngày 03/02/2019 , A B đi bón phân trên rẫy của gia đình, khi đi ngay qua khu ruộng Thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum, thì phát hiện 02 cặp bò mẹ và con đang cột trong chuồng, nhưng xung quanh không có người trông coi, A B đi vào và tháo dây dắt 01 cặp bò đi ra gần lề đường thì cột lại ở một gốc cây bên đường rồi đi về thôn gặp A N và nhờ A N ra giúp dắt cặp bò này tới cột tại bãi cỏ bên sông ĐăBla, phường T, Thành phố K, sau đó A N đi về. A B một mình đi đến chuồng bò và tiếp tục dắt cặp bò mẹ con còn lại và đem đến cột chung với cắp bò lúc trước. Khoảng 02 ngày sau, A B tiếp tục gọi điện thoại cho người mua bò lần trước đến xem và bán 01 cặp bò mẹ, con với giá 5.000.000 đồng. Sau đó khoảng 01 tuần, A B bán cặp bò còn lại cũng cho người

đàn ông này với giá 5.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán hai cặp bò này A B tiêu sài cá nhân đã hết. Qua xác M thì 02 cặp bò mẹ,con này là tài sản của gia đình anh A N tại thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Tại kết luận định giá tài sản số: 43/ĐG-TS, ngày 29/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Thành phố K kết luận:

+01 con bò cái chủng bò cỏ, màu đen khoảng 08 năm tuổi, nặng khoảng 140kg trị giá 14.000.000 đồng( Mười bốn triệu đồng).

+01 con bò cái chủng bò cỏ, màu vàng có chấm trắng, khoảng hơn 07 năm tuổi, nặng khoảng 150 kg, trị giá 15.000.000.000đồng( Mười lăm triệu đồng).

+01 con bò đực chủng bò cỏ, màu nâu đen , khoảng hơn 01 năm tuổi, nặng khoảng 80kg trị giá 8.000.000đồng( Tám triệu đồng).

+01 con bò đực chủng bò cỏ, màu trắng mốc, khoảng hơn 01 tháng tuổi, nặng khoảng 40kg trị giá 4.000.000đồng( Bốn triệu đồng).

Tổng cộng trị giá 04 con bò là: 41.000.000đồng( Bốn mươi mốt triệu đồng).

Hiện tại 04 con bò này không thu hồi được.

Tổng cộng giá trị tài sản 04 lần bị cáo A B trộm cắp là: 116.000.000đồng( Một trăm mười sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo A B về tội *" Trộm cắp tài sản"* ,bị cáo A G về tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, như nội dung Bản cáo trạng số 79/CT-VKSTPKT ngày 21 tháng 10 năm 2019 của VKSND Thành phố K đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo A Ban mức án từ 40 đến 46 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 điểm s, khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo A G mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng, các bị cáo không bị ép cung ,mớm cung hay bị dùng nhục hình bắt phải khai nhận tội và không có tranh luận gì mong HĐXX giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Cơ quan điều tra đã thu hồi được hai con bò nhà ông A L và đã trả lại ông A L, ông A L đã nhận và không có yêu cầu gì về bồi thường.

Đối với yêu cầu bồi thường của ông M, ông A D, A N theo giá trị định giá của Hội đồng định giá, do số bò mà bị cáo A B trộm cắp không thu hồi được nên đề nghị chấp nhận thỏa thuận về bồi thường giữa bị cáo và ông M, ông A D, A N.

Các Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố K, tỉnh KonTum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố K tỉnh KonTum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị

hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ kết tội:

Lời khai của A B tại phiên tòa là phù hợp và đúng với thời gian, vị trí, số bò, đặc điểm từng con bò trong các vụ trộm cắp bò xảy ra trên địa bàn thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum, mà những gia đình bị mất bò có đơn trình báo trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2019, phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của những người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luân: Từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2019 ở thôn K, phường T, Thành phố K, tỉnh Kon Tum, bị cáo A B lợi dụng sơ hở, sơ sài trong làm chuồng nuôi nhốt bò của người dân để thực hiện hành vi trộm cắp bò cụ thể: Lần 1 khoảng 09 giờ ngày 30/7/2018, A B vào chuồng bò và tháo dây dắt 02 con bò nhà ông M, trị giá hai con bò là: 22.000.000đồng. Lần 2 vào khoảng 10 giờ ngày 27/1/2019 A B vào chuồng bò và tháo dây dắt 01con bò nhà ông A D, trị giá 22.000.000đồng. Lần 3 vào khoảng 9 giờ ngày 03/02/2019 A B vào chuồng bò và tháo dây dắt 04 con bò nhà anh A N, trị giá 04 con bò là: 41.000.000đồng. Lần 4: Khoảng 22 giờ ngày 22/3/2019 lợi dụng đem khuya, vắng người A B một mình lén lút đi vào chuồng bò nhà ông A L dắt 02 con bò đem đến bờ sông Đăk Bla, thành phố Kon Tum cột lại. Đến ngày 26/3/2019 A B rủ A G cùng dắt bò đi bán thì bị Công an xã C, Thành phố K phát hiện thu giữ. Trị giá hai con bò là: 31.000.000đồng.

Tất cả 04 lần trộm cắp bò thì A B đều liên hệ bán cho một người đàn ông hiện tại chưa xác định được, mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi trên của bị cáo A B đã phạm vào tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố K đã ra Quyết định khởi tố vụ án đối với từng hành vi trộm cắp nêu trên sau đó ra Quyết định nhập vụ án đối với các hành vi trên của bị cáo A B để giải quyết trong cùng vụ án là đảm bảo đúng quy định tại điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự: Tổng cộng trị giá 09 con bò trong 04 lần trộm cắp là: 116.000.000.000đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng). Tại Bản án số 39/2015/HSST ngày 15/5/2015 của TAND Thành phố K xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự 1999, đã áp dụng tình tiết "tái phạm" ngày 27/02/2018 chấp hành xong hình phạt, ngày 30/7/2018 thực hiện hành vi "trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích, mà lại phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp " Tái phạm nguy hiểm" . Tổng hợp hành vi và hậu quả mà bị cáo A B gây ra đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của A G biết rõ hai con bò do A B trộm cắp, không có hứa hẹn trước, nhưng vẫn thực hiện hành vi cùng A B mang bò đi bán, do bị Công an xã C Thành phố K phát hiện bắt giữ nên không bán được hai con bò là nằm ngoài ý thức chủ

quan của hai bị cáo, vì vậy hành vi của A G đủ yếu tố cấu thành tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Bản án số: 62/2018/HSST ngày 08/11/2018 của TAND Thành phố K xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội" Trộm cắp tài sản". Ngày 11/3/2019 chấp hành xong hình phạt, đến ngày 26/3/2019 phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* thuộc trường hợp chưa được xóa án tích. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Do đó Cáo trạng số 79/CT-VKSTPKT ngày 21 tháng 10 năm 2019 của VKSND Thành phố K truy tố hai bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến khách thể thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật hình sự, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đối với hành vi của bị cáo A B xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, hành vi của bị cáo A G xâm phạm đến trật tự công cộng, do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự .

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo A B thực hiện 04 lần trộm cắp, tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự". Bị cáo A G thuộc trường hợp " Tái phạm" điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Về nhân thân của hai bị cáo: Đã phạm tội và bị kết án, sau khi chấp hành xong hình phạt hai bị cáo không lấy đó làm bài học và tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật.

Xét tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của hai bị cáo. HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với hai bị cáo nhằm bảo đảm tính nghiêm M của pháp luật, đồng thời giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

Tiếp tục tạm giam hai bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra công an Thành phố K đã trả lại cho ông A L 02 con bò là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông A L đã nhận lại 02 con bò bị trộm cắp, không yêu cầu gì về bồi thường, nên HĐXX không đề cập.

- Ông M, ông A D, anh A N đều yêu cầu bị cáo bồi thường số bò bị trộm cắp không thu hồi được theo kết quả định giá cụ thể: Ông M yêu cầu bị cáo bồi thường :

22.000.000 đồng ( Hai mười hai triệu đồng), ông A D yêu cầu bị cáo bồi thường 22.000.000 đồng ( Hai mười hai triệu đồng), ông A N yêu cầu bị cáo bồi thường 41.000.000đồng( Bốn mươi mốt triệu đồng). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo đúng yêu cầu của những người bị hại. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và Ông M, A D, A N, phù hợp các Điều 584,585,586,589 của Bộ luật dân sự. nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Những vấn đề khác:

- Đối với A N do không biết bò là do A B trộm cắp, nên đã giúp A B lùa bò đi cột , vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý về hành vi " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng quy định của pháp luật.

- Người đàn ông mua bò của A B chưa xác định được, cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau là đảm bảo đúng quy định của pháp luật

[7] Về án phí: Các bị cáo A B, A G mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo A B phải bồi thường cho những người bị hại, tổng số tiền bồi thường là: 83.000.000 đồng, Thỏa thuận về bồi thường được thực hiện tại phiên tòa, nên án phí phải nộp là 5% trên số tiền bồi thường. A B phải nộp 4.150.000 đồng( Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo A B phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

Bị cáo A G phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

- Áp dụng: Các điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A B: 40 (*Bốn Mươi*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 05/4/2019.

- Áp dụng : Khoản 1 Điều 323 ; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A G: 09 ( *Chín)* tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 05/4/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo A B và A G để bảo đảm thi hành án.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584,585,586,589 của Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường giữa bị cáo A B và những người bị hại: Ông M, A D, A N.

Bị cáo A B phải bồi thường cho ông M : 22.000.000 đồng ( Hai mươi hai triệu đồng). Bồi thường cho ông A D 22.000.000 đồng ( Hai mươi hai triệu đồng). Bồi thường cho anh A N 41.000.000đồng( Bốn mươi mốt triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo A B không bồi thường đủ số tiền nêu trên cho ông M, A D, A N và ông M, A D, A N có đơn yêu cầu thi hành án, thì bị cáo A B còn phải chịu tiền lãi suất phát sinh

do chậm trả, mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Toà án: Các bị cáo A B , A G mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Bị cáo A B phải nộp 4.150.000 đồng( Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo A B phải nộp: 4.350.000 đồng (Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (20/11/2019).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

***Nơi nhận:***
*- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;*
*- TAND tỉnh Kon Tum;*
*- VKSND tỉnh Kon Tum*
*- VKSND tp KonTum;*
*- Cơ quan điều tra Công an tp KonTum*
*- Chi cục THA DS tp KonTum;*
*- Bị cáo;*
*- Bị hại;*
*- - Lưu HSVA*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trường Du**